

Số: /KH-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 208/NQ-CP ngày 04/8/2026 của Chính phủ và Chương trình hành động số 49-CTr/TU ngày 16/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới

Thực hiện Nghị quyết số 208/NQ-CP ngày 04/8/2026 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 208/NQ-CP của Chính phủ*) và Chương trình hành động số 49-CTr/TU ngày 16/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn (*sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 49-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*) thực hiện Kết luận số 75-KL/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV; Chương trình hành động số 31-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Kết luận số 75-KL/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn xây dựng Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 208/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động số 49-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp theo Nghị quyết số 208/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động số 49-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới.

Tổ chức triển khai thống nhất, hiệu quả công tác bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch thực hiện phải bám sát các nhiệm vụ được xác định tại Nghị quyết số 208/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động số 49-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và từng Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, cộng đồng doanh nghiệp và phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Phân công nhiệm vụ bảo đảm rõ cơ quan chủ trì, rõ cơ quan phối hợp, rõ tiến độ, rõ sản phẩm và rõ trách nhiệm; ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết, có tính khả thi và khả năng tạo chuyển biến rõ nét trong công tác bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 208/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động số 49-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, yêu cầu các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, cộng đồng doanh nghiệp và toàn thể Nhân dân nghiêm túc thực hiện phương châm: *Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu phải được xác định là một trong những động lực phát triển mới, gắn với nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất, sức cạnh tranh của nền kinh tế, chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Đầu tư cho bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu là đầu tư cho phát triển bền vững, cần được ưu tiên bảo đảm nguồn lực tương xứng, đáp ứng yêu cầu đề ra, phù hợp với tốc độ tăng trưởng và quy mô của nền kinh tế.*

- Việc triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại phụ lục kèm theo Kế hoạch này yêu cầu theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu và pháp luật khác có liên quan.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động, huy động sự tham gia của toàn xã hội trong bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, nhất là người đứng đầu cần xác định bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu là nhiệm vụ thường xuyên, ở vị trí trung tâm trong các quyết định phát triển, là điều kiện, nền tảng cho chuyển đổi xanh, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất, sức cạnh tranh; lấy việc bảo đảm môi trường sống an toàn, trong lành, bảo vệ sức khỏe, tính mạng, sinh kế của mọi người dân làm mục tiêu cao nhất. Do đó, yêu cầu các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường: triển khai quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về vai trò quan trọng của bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; triển khai, phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị, bảo đảm sự tham gia rộng rãi, thực chất, có trách nhiệm của cộng đồng doanh nghiệp, người dân trong bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân các xã, phường: theo chức năng, nhiệm vụ, địa bàn quản lý, triển khai đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của toàn xã hội về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Đổi mới nội dung, phương thức truyền thông theo hướng dễ hiểu hướng tới thay đổi hành vi; lan tỏa thực hành lối sống xanh, tiêu dùng xanh, bền vững trong cộng đồng, xây dựng văn hóa môi trường; khuyến khích, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả.

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của toàn xã hội về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:

- Triển khai tăng cường sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng, cơ quan báo chí, truyền thông và Nhân dân trong tham gia xây dựng, phản biện, góp ý hoàn thiện chủ trương, chính sách và giám sát việc thi hành pháp luật.

- Triển khai thực chất, hiệu quả các phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, lan toả thực hành lối sống xanh, tiêu dùng xanh, bền vững trong cộng đồng; phát hiện, khuyến khích, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền, bảo đảm thống nhất, đồng bộ và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Rà soát, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện theo quy định.

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các quy định, chương trình, kế hoạch về ứng phó với biến đổi khí hậu; tập trung thực hiện các nhiệm vụ về thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn, phát triển thị trường các-bon theo quy định và hướng dẫn của cơ quan Trung ương.

- Rà soát, đề xuất áp dụng, triển khai các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định; kịp thời tổng hợp, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung những nội dung không còn phù hợp với thực tiễn.

- Nghiên cứu, tham mưu đổi mới phương thức quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu theo hướng quản trị hiện đại dựa trên dữ liệu, công nghệ và theo mức độ rủi ro; kết hợp phòng ngừa, tiền kiểm có trọng tâm với hậu kiểm theo mức độ tuân thủ; số hóa toàn trình giải quyết thủ tục hành chính; áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với công nghệ, mô hình mới có lợi cho môi trường.

- Rà soát, phân loại dự án theo mức độ rủi ro môi trường; kết hợp kiểm soát từng nguồn thải với quản lý chất lượng môi trường theo vùng, khu vực, lưu vực sông và tổng thải lượng chất ô nhiễm; thiết lập cơ chế điều phối liên vùng, liên ngành, liên địa phương.

- Tăng cường hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, đối thoại, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát có trọng tâm, trọng điểm, tránh chồng chéo; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định.

b) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công trình xanh; hạ tầng kỹ thuật đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu, thoát nước và xử lý nước thải, tái sử dụng nước, sử dụng vật liệu xây dựng xanh và giảm phát thải trong hoạt động xây dựng.

c) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

d) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

đ) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu thúc đẩy ứng dụng chuyển đổi số về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

e) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn.

g) Thanh tra tỉnh rà soát, lựa chọn các dự án có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường để đưa vào kế hoạch thanh tra hàng năm, quyết định thanh tra đột xuất đối với các trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật về môi trường; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý nghiêm hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu

h) Công an tỉnh chỉ đạo các phòng, đơn vị chức năng, Công an cấp xã thực hiện tốt công tác nắm tình hình, kịp thời chủ động kiểm tra, đấu tranh, điều tra xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật.

i) Ủy ban nhân dân các xã, phường kiểm soát nghiêm ngặt các nguồn thải, bảo đảm chất lượng môi trường và giải quyết các vấn đề môi trường trên địa bàn quản lý; nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, đề cao trách nhiệm chính quyền cấp xã, nhất là người đứng đầu trong thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; siết chặt kỷ cương, nâng cao đạo đức công vụ của cán bộ, công chức trong thi hành pháp luật.

3. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho sự nghiệp bảo vệ môi trường.

b) Sở Xây dựng:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng bảo vệ môi trường, hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và các dự án có tính liên vùng, đa mục tiêu thuộc phạm vi quản lý của ngành Xây dựng.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên đầu tư hệ thống thoát nước, chống ngập, thu gom và xử lý nước thải đô thị; hạ tầng kỹ thuật và kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý tại các khu vực thường xuyên chịu tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu; cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư có nguy cơ mất an toàn.

- Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tham mưu huy động, bố trí nguồn lực đầu tư phát triển giao thông xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các điểm nóng ô nhiễm, rà soát đầu tư hệ thống quan trắc và dữ liệu môi trường, dự báo, cảnh báo chất lượng môi trường.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ và cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, hoàn thiện cơ chế huy động các nguồn lực xã hội, nguồn vốn quốc tế, các quỹ khí hậu toàn cầu, nguồn tài chính xanh, đầu tư xanh, nguồn hỗ trợ phát triển chính thức, nguồn vốn vay ưu đãi và các nguồn lực hợp pháp khác cho bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

d) Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan vận động, tiếp cận, điều phối sử dụng hiệu quả vốn ODA, vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại, các quỹ khí hậu toàn cầu và cơ chế tài chính quốc tế phù hợp định hướng, điều kiện thực tế tại tỉnh Lạng Sơn.

đ) Đề nghị Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh:

- Triển khai tuyên truyền đến cộng đồng doanh nghiệp thực hiện xây dựng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Nghiên cứu huy động nguồn lực xã hội hóa từ cộng đồng doanh nghiệp tham gia vào hoạt động bảo vệ môi trường, các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Kêu gọi, tuyên truyền vận động cộng đồng doanh nghiệp tham gia đầu tư máy móc, công nghệ phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính trong hoạt động sản xuất.

4. Giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường; phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Rà soát, tham mưu giải quyết tình trạng ô nhiễm nước tại các lưu vực sông, kênh, mương, hồ và đoạn sông ưu tiên (nếu có); kiểm soát tổng thải lượng

chất ô nhiễm tại những khu vực nhạy cảm, áp lực môi trường lớn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

- Nâng cao hiệu quả phân loại chất thải rắn sinh hoạt phục vụ phát triển kinh tế tuần hoàn; đầu tư đồng bộ thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý kết hợp thu hồi năng lượng; giảm tỷ lệ chất thải chôn lấp trực tiếp.

- Chủ động nhận diện và quản lý các chất thải mới phát sinh từ quá trình chuyển đổi xanh.

- Đẩy mạnh xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề (nếu có) gắn với bảo tồn, phát triển ngành nghề nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn và bền vững. Tập trung xử lý ô nhiễm tại các khu vực khai thác - chế biến khoáng sản, khu vực tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và các điểm nóng ô nhiễm khác.

- Kết nối, giám sát theo thời gian thực đối với nguồn nước thải, khí thải lớn thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục; kiểm soát chất lượng dữ liệu, cảnh báo sớm và sử dụng dữ liệu làm căn cứ kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

b) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu thúc đẩy trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu và thị trường vật liệu thứ cấp.

c) Sở Khoa học và Công nghệ tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh đảm bảo kiểm soát chặt chẽ, không để nhập khẩu công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

d) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đô thị.

đ) Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Triển khai nâng cao hiệu quả phân loại chất thải rắn sinh hoạt phục vụ phát triển kinh tế tuần hoàn; đầu tư đồng bộ thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý kết hợp thu hồi năng lượng; giảm tỷ lệ chất thải chôn lấp trực tiếp.

- Rà soát tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường trên địa bàn quản lý; chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường sống: Phối hợp kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu; các khu vực khai thác, chế biến khoáng sản hoạt động trên địa bàn.

5. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và sử dụng hiệu quả tài nguyên

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh nâng cao hiệu quả quản lý khu bảo tồn, di sản thiên nhiên; ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học; bảo vệ, phục hồi hệ sinh thái quan trọng, nhạy cảm và phát triển các bể hấp thụ các-bon xanh; bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm và nguồn gen.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phát triển sinh kế bền vững, du lịch sinh thái, kinh tế dưới tán rừng và các mô hình kinh tế dựa trên dịch vụ hệ sinh thái, bảo đảm chia sẻ lợi ích với cộng đồng địa phương.

- Rà soát, đề xuất triển khai lượng giá tài nguyên, dịch vụ hệ sinh thái và hạch toán vốn tự nhiên; tích hợp giá trị thiên nhiên, đa dạng sinh học và hạ tầng xanh vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và quyết định đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, bảo vệ, phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; hiện đại hóa quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên gắn với chuyển đổi số; triển khai công tác điều tra cơ bản, quy hoạch các nguồn tài nguyên, ưu tiên tài nguyên đất, nước, khoáng sản; bảo đảm an ninh tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường.

b) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản thiên nhiên; phát triển du lịch sinh thái, du lịch gắn với bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo đảm sinh kế bền vững cho cộng đồng địa phương.

c) Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức thực hiện các nhiệm vụ bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và sử dụng hiệu quả tài nguyên trên địa bàn; phối hợp quản lý, bảo vệ khu bảo tồn, di sản thiên nhiên, hệ sinh thái quan trọng, các loài nguy cấp, quý, hiếm và nguồn gen theo quy định; phát triển sinh kế bền vững, nâng cao sự tham gia của cộng đồng trong bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

6. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan định kỳ cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu chi tiết, dài hạn; nâng cao năng lực dự báo khí tượng thủy văn, cảnh báo sớm và truyền tin đến người dân, đặc biệt tại vùng có nguy cơ cao; điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai phù hợp với thực tiễn của từng vùng, địa phương, ưu tiên những nơi có nguy cơ rủi ro cao.

- Phối hợp rà soát, tham mưu hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật công trình có xét đến yêu cầu ứng phó với biến đổi khí hậu; thực hiện giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phát triển, nhân rộng các mô hình nông nghiệp thông minh, giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đầu tư xây dựng lực lượng, phương tiện đủ khả năng ứng phó, khắc phục kịp thời thiệt hại khi có thiên tai xảy ra.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các giải pháp thích ứng đặc thù theo vùng, dựa vào tự nhiên, hệ sinh thái, cộng đồng cho các khu vực có nguy cơ cao tại các khu vực miền núi.

b) Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng chăm sóc y tế cho người dân trong điều kiện môi trường, biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, thời tiết cực đoan.

c) Sở Xây dựng:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh định hướng ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng có khả năng chống chịu cao với bão, lũ, ngập úng, hạn hán và các tác động do biến đổi khí hậu. Tham mưu các giải pháp phát triển đô thị thích ứng, chống chịu với biến đổi khí hậu, tập trung phòng, chống và khắc phục tình trạng ngập úng do mưa lớn cực đoan tại các khu vực đô thị.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các giải pháp công trình và phi công trình, kết hợp các công cụ tài chính phù hợp nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, biến đổi khí hậu đối với người dân và doanh nghiệp theo quy định.

d) Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh nghiên cứu, thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực dự báo khí tượng thủy văn, cảnh báo sớm thiên tai, rủi ro khí hậu trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng cực đoan.

đ) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ động, sẵn sàng huy động lực lượng quân đội tham gia phối hợp tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn khi có sự cố thiên tai xảy ra do tác động của biến đổi khí hậu gây ra.

e) Công an tỉnh chủ động, sẵn sàng huy động lực lượng Công an tham gia phối hợp tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn khi có sự cố thiên tai xảy ra do tác động của biến đổi khí hậu gây ra.

g) Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Phối hợp tham mưu xây dựng, định kỳ cập nhật các kịch bản biến đổi khí hậu dài hạn; điều chỉnh kế hoạch, phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, phù hợp với thực tiễn của từng địa phương, ưu tiên những nơi có nguy cơ rủi ro cao; đầu tư xây dựng lực lượng, phương tiện đủ khả năng ứng phó, khắc phục kịp thời thiệt hại khi có thiên tai xảy ra.

- Tổ chức xây dựng, triển khai và nhân rộng các mô hình điểm về nông nghiệp thông minh giảm phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tổ chức triển khai các giải pháp thích ứng đặc thù theo khu vực, dựa vào tự nhiên, hệ sinh thái; chủ động di dời dân cư khỏi khu vực có nguy cơ rủi ro cao tại khu vực đồi núi.

- Rà soát, quy hoạch lại các khu dân cư, thực hiện di dân khỏi các vùng rủi ro cao, kết hợp với bảo đảm sinh kế bền vững cho người dân.

- Phối hợp tham mưu hoàn thiện các cơ chế, giải pháp công trình và phi công trình, kết hợp với các công cụ tài chính nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, biến đổi khí hậu cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai, nâng cao mức độ an toàn của người dân và nền kinh tế: Ứng phó với mưa lớn, lũ quét, ngập úng cục bộ...; phòng, chống sạt lở đất; bảo đảm an toàn hồ chứa, đập thủy lợi trên địa bàn.

7. Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, tăng cường quản lý phát thải khí nhà kính

a) Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai hiệu quả Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy tuần hoàn vật liệu, sản phẩm trong toàn chuỗi giá trị và có chính sách khuyến khích công nghiệp tái chế, công nghiệp môi trường.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chuyển đổi các ngành kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp và tạo ra các ngành kinh tế mới nhằm thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các giải pháp giảm phát thải trong hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển công trình xanh, sử dụng vật liệu xây dựng xanh, vật liệu phát thải thấp.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chuyển đổi hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm theo hướng giảm phát thải, tuần hoàn, bền vững.

b) Sở Công Thương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, khuyến khích sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Thúc đẩy các mô hình công nghiệp xanh.

c) Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thúc đẩy các mô hình đô thị xanh, giao thông xanh, hình thành các khu vực đô thị phát thải thấp.

d) Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ: xây dựng và triển khai hiệu quả các chương trình đào tạo, đào tạo lại, chuyển đổi nghề nghiệp và hỗ trợ sinh kế nhằm bảo đảm chuyển đổi công bằng, hạn chế tác động bất lợi đối với người lao động, nhóm yếu thế và địa phương phụ thuộc vào các ngành phát thải cao; lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu vào chương trình giáo dục (chương trình chính khóa, ngoại khóa...) phù hợp với các cấp học, bậc học tại các cơ sở giáo dục.

đ) Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh nâng cao chất lượng kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; vận hành thị trường các-bon minh bạch, có kiểm soát; quản lý chặt chẽ hoạt động trao đổi tín chỉ các-bon, từng bước xây dựng tiêu chuẩn tín chỉ các-bon trong nước, phương pháp tạo tín chỉ các-bon tiệm cận với tiêu chuẩn quốc tế.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật đóng góp do quốc gia tự quyết định của Việt Nam, thực hiện linh hoạt cam kết quốc tế phù hợp với điều kiện và yêu cầu phát triển của đất nước, phấn đấu đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

8. Phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực

a) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu xét tài trợ, đặt hàng và tổ chức triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó ưu tiên đặt hàng nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo; công nghệ sạch, năng lượng tái tạo, giảm phát thải, tái chế, xử lý chất thải, thu hồi - tái sử dụng - lưu giữ các-bon và các mô hình phát triển xanh, phát thải thấp; ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, viễn thám và các công nghệ mới phục vụ hoạch định chính sách, chỉ đạo điều hành và công khai thông tin về môi trường, biến đổi khí hậu.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường của tỉnh và cơ sở dữ liệu của tỉnh về biến đổi khí hậu thống nhất, đồng bộ, tích hợp, liên thông; ban hành chuẩn dữ liệu, danh mục dùng chung, cơ chế cập nhật và chia sẻ; bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu trong quá trình xây dựng, vận hành, kết nối và khai thác sử dụng.

c) Sở Nội vụ tham mưu nâng cao năng lực đội ngũ quản lý nhà nước về môi trường, biến đổi khí hậu, nhất là đội ngũ cán bộ ở cấp xã; chuẩn hóa chương trình bồi dưỡng theo vị trí việc làm; tăng cường liên kết viện - trường - doanh nghiệp và hợp tác quốc tế; có cơ chế thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học và cán bộ trẻ; có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với đội ngũ làm công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

9. Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế

a) Sở Ngoại vụ tham mưu phối hợp chủ động triển khai thực hiện các điều ước, thỏa thuận quốc tế về môi trường, biến đổi khí hậu và tham gia định hình sáng kiến, thỏa thuận và cơ chế hợp tác khu vực, toàn cầu về môi trường, khí hậu; triển khai các hoạt động ngoại giao môi trường, ngoại giao khí hậu gắn với lợi ích quốc gia - dân tộc và trách nhiệm quốc tế.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tăng cường hợp tác song phương, đa phương nhằm huy động tài chính khí hậu, chuyển giao công nghệ xanh, tiên tiến, phát triển thị trường các-bon, nâng cao năng lực và hỗ trợ triển khai; ưu tiên đối tác, chương trình có khả năng huy động nguồn lực và tạo chuyển biến thực chất.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tăng cường hợp tác, phối hợp giải quyết các vấn đề môi trường xuyên biên giới, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và các vấn đề liên quan đến an ninh môi trường, an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng theo pháp luật và điều ước quốc tế.

- Phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh và đơn vị liên quan nâng cao năng lực dự báo, đánh giá tác động và chủ động ứng phó với tiêu chuẩn, quy định, hàng rào kỹ thuật thương mại quốc tế về môi trường và khí hậu.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, nguồn vốn đầu tư công, nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ nhiệm vụ được giao chủ động bố trí, lồng ghép và huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện Kế hoạch này đảm bảo kịp thời, có hiệu quả, gắn với phòng chống tham nhũng, lãng phí theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở các nhiệm vụ, giải pháp đã phân công tại Mục II và tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này; yêu cầu các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Kế hoạch này. Hoàn thành **trước ngày 15 tháng 9 năm 2026** và gửi Kế hoạch về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, theo dõi.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Kế hoạch này; chủ trì tham mưu tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện khi có yêu cầu.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có nội dung, vấn đề cần phải sửa đổi, bổ sung. Các Sở, Ban, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan kịp thời có văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn;
- Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, PCVP UBND tỉnh, các Phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN_(NNT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Hữu Học

PHỤ LỤC I
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1.	Tỉ lệ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm	Tối thiểu 2%	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các Sở, Ban, ngành; UBND các xã, phường	Hằng năm
2.	Tỉ lệ các nguồn nước thải, khí thải lớn được quan trắc tự động, liên tục	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, Ban, ngành; UBND các xã, phường; các cơ sở có nguồn thải	2026-2030
3.	Tỉ lệ cụm công nghiệp có nước thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường	100%	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; UBND các xã, phường; các đơn vị liên quan	2026-2030
4.	Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý	> 99%	UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; UBND các xã, phường; các đơn vị thu gom, xử lý chất thải	2026-2030
5.	Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực nông thôn được thu gom, xử lý	90%	UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; UBND các xã, phường; các đơn vị thu gom, xử lý chất thải	2026-2030
6.	Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng chất thải được thu gom	< 30%	UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; UBND các xã, phường; các đơn vị xử lý chất thải	2026-2030
7.	Tỉ lệ che phủ rừng	65%	UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các Sở, Ban, ngành liên quan	2026-2030
8.	Tỉ lệ số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn	70%	UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; UBND các xã, phường	2026-2030

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
				phường; các đơn vị liên quan	
9.	Tỉ lệ các hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất được di dời đến nơi an toàn	80%	UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; các đơn vị liên quan	2026-2030

PHỤ LỤC II
DANH MỤC NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026-2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
I	Nâng cao nhận thức, huy động sự tham gia của toàn xã hội					
2.	Tổ chức phong trào, mô hình về phân loại chất thải, giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, lối sống xanh, tiêu dùng xanh, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ thiên nhiên và phòng tránh rủi ro thiên tai.	UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Kế hoạch; mô hình	Ngân sách địa phương (NSDP) và các nguồn lực khác
II	Giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường; phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường					
6.	Quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước tại các lưu vực sông, kênh, mương, hồ và đoạn sông ưu tiên; kiểm soát tổng tải lượng ô nhiễm phù hợp với khả năng chịu tải của nguồn nước.	UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Các nhiệm vụ, giải pháp	NSNN và các nguồn lực khác
11.	Giải quyết tình trạng ô nhiễm nước tại các sông, kênh, mương, hồ và đoạn sông nội tỉnh (nếu có).	UBND các xã, phường	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Các dự án	NSDP và các nguồn lực khác
12.	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật xử lý nước thải cụm công nghiệp theo quy định đạt quy chuẩn môi	UBND các xã, phường	Sở Công Thương, các cơ quan liên	2026 - 2030	Các dự án	NSDP và các nguồn lực khác

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	trường.		quan			
13.	Xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề (nếu có), khu vực khai thác - chế biến khoáng sản, khu vực tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, các bãi chôn lấp chất thải không hợp vệ sinh và các điểm nóng ô nhiễm khác.	UBND các xã, phường	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Các nhiệm vụ, dự án	NSĐP và các nguồn lực khác
14.	Tổ chức phân loại chất thải rắn sinh hoạt từ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phù hợp với điều kiện của địa phương.	UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Chương trình, kế hoạch	NSĐP và các nguồn lực khác
15.	Đầu tư, nâng cấp hạ tầng thu gom, trung chuyển, tái chế, xử lý chất thải.	UBND các xã, phường	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Các dự án	NSĐP và các nguồn lực khác
16.	Kiểm soát chặt chẽ các nguồn phát sinh nước thải, khí thải lớn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an tỉnh; UBND các xã, phường; các cơ quan liên quan	Thường xuyên	Chương trình, kế hoạch	NSĐP và các nguồn lực khác
III	Thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai					
8.	Triển khai chương trình, dự án phòng chống sạt lở, lũ ống, lũ quét tại trung du và miền núi	UBND các xã, phường	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Các dự án	NSĐP và các nguồn lực khác

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
9.	Rà soát, phê duyệt và triển khai phương án di dời dân cư khỏi khu vực có nguy cơ cao; bảo đảm quỹ đất, nhà ở an toàn, hạ tầng thiết yếu và sinh kế bền vững.	UBND các xã, phường	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Phương án	NSDP và các nguồn lực khác
12.	Đầu tư phát triển hạ tầng, đô thị có khả năng chống chịu cao với bão, lũ, ngập úng, hạn hán, triều cường và các tác động do biến đổi khí hậu.	UBND các xã, phường	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Đề án/dự án	NSNN và các nguồn lực khác
13.	Xây dựng các mô hình điểm về nông nghiệp thông minh giảm phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu.	UBND các xã, phường	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Đề án/dự án	NSNN và các nguồn lực khác
IV	Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực					
3.	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu môi trường cấp tỉnh liên thông với cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành có liên quan; UBND các xã, phường	2026 - 2030	Cơ sở dữ liệu môi trường cấp tỉnh	NSNN